

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 178/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15-9-2022
V/v: Ly hôn, nuôi con chung giữa
chị N và anh T

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Đề;

Ông Nguyễn Văn Hóa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1996; địa chỉ: Xóm X, xã H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

Bị đơn: Anh Mai Văn T, sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm X, xã H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa chị N vắng mặt có lý do; anh T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 18-5-2022 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Mai Văn T đăng ký kết hôn ngày 29-12-2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Hải Hậu trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh T ở xóm X, xã H. Vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên chơi cờ bạc, lô đề, dẫn đến công nợ nhiều và không hoàn thành trách nhiệm người chồng và người bố đối với vợ con. Sau mỗi lần bị báo nợ, anh T đã xin lỗi chị N và gia đình, hứa sau này sẽ không chơi tiếp, chị N cùng hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng anh T không thay đổi nên chị N không còn tin tưởng ở anh T. Từ đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau. Chị N đã đưa con về nhà ngoại ở từ tháng

12/2021, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị N nhận thấy tình cảm của chị đối với anh T không còn nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Mai Ánh Dương, sinh ngày 17-8-2019, hiện nay con đang ở cùng chị N. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng, bị đơn anh T có lời khai phù hợp với lời khai của chị N về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian sống ly thân. Theo anh T, vợ chồng mâu thuẫn là do anh thường đi làm biển và phụ xe khách Bắc Nam nên ít có thời gian ở nhà quan tâm gia đình. Trong thời gian anh làm xa nhà do có bạn bè rủ rê nên chót chơi bởi mắc nợ nần, bố mẹ hai bên đã trả nợ giúp. Sau đó, anh T đã suy nghĩ lại nhận ra sai lầm của mình và xin lỗi chị N và gia đình. Nay anh T mong chị N hiểu và thông cảm cho anh thêm thời gian để thay đổi bản thân và muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con nhỏ. Do đó, chị N xin ly hôn, anh T không nhất trí vì anh nhận thấy vợ chồng chưa thực sự mâu thuẫn căng thẳng và gia đình hai bên lại theo đạo công giáo, vợ chồng không được phép ly hôn.

Về con chung: Anh T thống nhất với lời khai của chị N vợ chồng có một con chung như chị N trình bày. Do anh T không nhất trí ly hôn nên anh chưa có ý kiến về việc nuôi con. Tạm thời anh vẫn nhất trí để con ở cùng chị N, thỉnh thoảng anh đến đón con về chơi.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản: Anh T có lời khai thống nhất với lời khai của chị N nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, anh Mai Văn T là bị đơn được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vẫn vắng mặt hai lần không có lý do; chị Phạm Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử mặt chị N, anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị N và anh Mai Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 29-12-2016. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn về kinh tế, vợ chồng đều xác nhận nguyên nhân chính là do anh T

không tu trí làm ăn, theo bạn bè rủ rê chơi cờ bạc nên bị vay nợ nhiều. Chị N và gia đình khuyên bảo anh T nhiều lần nhưng anh không thay đổi làm chị N không còn tin tưởng ở anh T. Từ đó vợ chồng thường xảy ra va chạm, cãi nhau, không có tiếng nói chung. Mặc dù anh T không nhất trí ly hôn vì anh nhận thấy vợ chồng chưa thực sự mâu thuẫn căng thẳng nhưng anh không có biện pháp nào thiết thực nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án tiến hành hòa giải để anh T chị N về đoàn tụ nhưng không thành. Anh T đề nghị Tòa án hòa giải lần nữa để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị N đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải lần nữa do chị xác định chị không còn tình cảm với anh T, vợ chồng không thể hàn gắn được. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hòa hợp, hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12-2021 đến nay. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, cho chị N ly hôn anh T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng có một con chung là Mai Ánh Dương, sinh ngày 17-8-2019, hiện nay con đang ở cùng chị N. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T không nhất trí ly hôn nên chưa có ý kiến về nuôi con chung, tạm thời anh vẫn nhất trí để con cho chị N nuôi dưỡng. Xét điều kiện hoàn cảnh hiện nay, nguyện vọng của chị N thì thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu Dương do chị N nuôi dưỡng. Hiện nay chị N và cháu Dương có nơi ở ổn định là đang ở cùng với bố mẹ đẻ chị N, hai gia đình nội ngoại ở gần nhau nên anh T thành thạo vẫn đón con về nhà nội chơi. Chị N hiện đi làm công ty, chị xác nhận có thu nhập đảm bảo để nuôi con. Về trách nhiệm cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên về trách nhiệm cấp dưỡng Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Vì vậy, cần giao cháu Mai Ánh Dương cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con cho chị N, hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản và nghĩa vụ tài sản*: Chị N và anh T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Phạm Thị N phải nộp tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Mai Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Mai Ánh Dương, sinh ngày 17-8-2019 cho chị Phạm Thị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị N. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Phạm Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0006253 ngày 28-7-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thúy Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Văn Đê Nguyễn Văn Hóa

Phạm Thúy Nga

